TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐỐP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2020
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐỐP-TỈNH BÌNH PHƯỚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Quang Lâm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Đình Minh
Bà: Điểu Thị Hương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Lý Văn Hơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: ông Bùi Quang Hòa – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 654/5/16 P, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: anh Trần Văn H, sinh năm 1983(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2016, thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác không đồng thuận nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp và cũng do kinh tế không ổn định nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Do đó, vợ

chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người không còn tình cảm, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh H có 02(hai) con chung tên Trần Hoài D, sinh ngày 21/02/2012 và Trần Hoài A, sinh ngày 13/3/2015. Hiện nay, cháu D đang sống chung với anh H, cháu A đang sống chung với chị T. Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng Trần Hoài A; giao con Trần Hoài D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai giữa Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp với anh Trần Văn H, anh cho biết vợ chồng có tự nguyện kết hôn. Nay, vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do anh H là người theo đạo nên không ký các biên bản đồng ý ly hôn được.

Về con chung: anh H và chị T thống nhất giao con chung Trần Hoài A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hoài D cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Trần Văn H và giao 02(hai) con chung theo sự thống nhất ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, HĐXX nhận định

Về pháp luật tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T thuộc trường hợp *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đang cư trú và có đăng ký hộ khẩu tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Anh Trần Văn H vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, giao nhận văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, cho bị đơn theo quy định của pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Nguyễn Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

Chị Nguyễn Ngọc T và anh Trần Văn H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2011, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh H chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác không đồng thuận nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc T và anh Trần Văn H đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T và ánh H có 02(hai) con chung tên Trần Hoài D, sinh ngày 21/02/2012, đang sống chung với anh H và Trần Hoài A, sinh ngày 13/3/2015, đang sống chung với chị T. Hiện nay các cháu đang đi học và có cuộc sống ổn định. Căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và để đảm bảo sự sinh hoạt phát triển bình thường về mọi mặt của trẻ, cần giao con chung Trần Hoài D cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, giao con chung tên Trần Hoài A cho chị Nguyễn Ngọc T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nguyễn Ngọc T và anh Trần Văn H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn anh Trần Văn H.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Trần Hoài D, sinh ngày 21/02/2012 cho anh Trần Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; giao con chung tên Trần Hoài A, sinh ngày 13/3/2015 cho chị Nguyễn Ngọc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị T, anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: chị Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Ngọc T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017278 ngày 04/5/2020.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niên yết công khai tại nơi cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- UBND xã Tân Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Quang Lâm